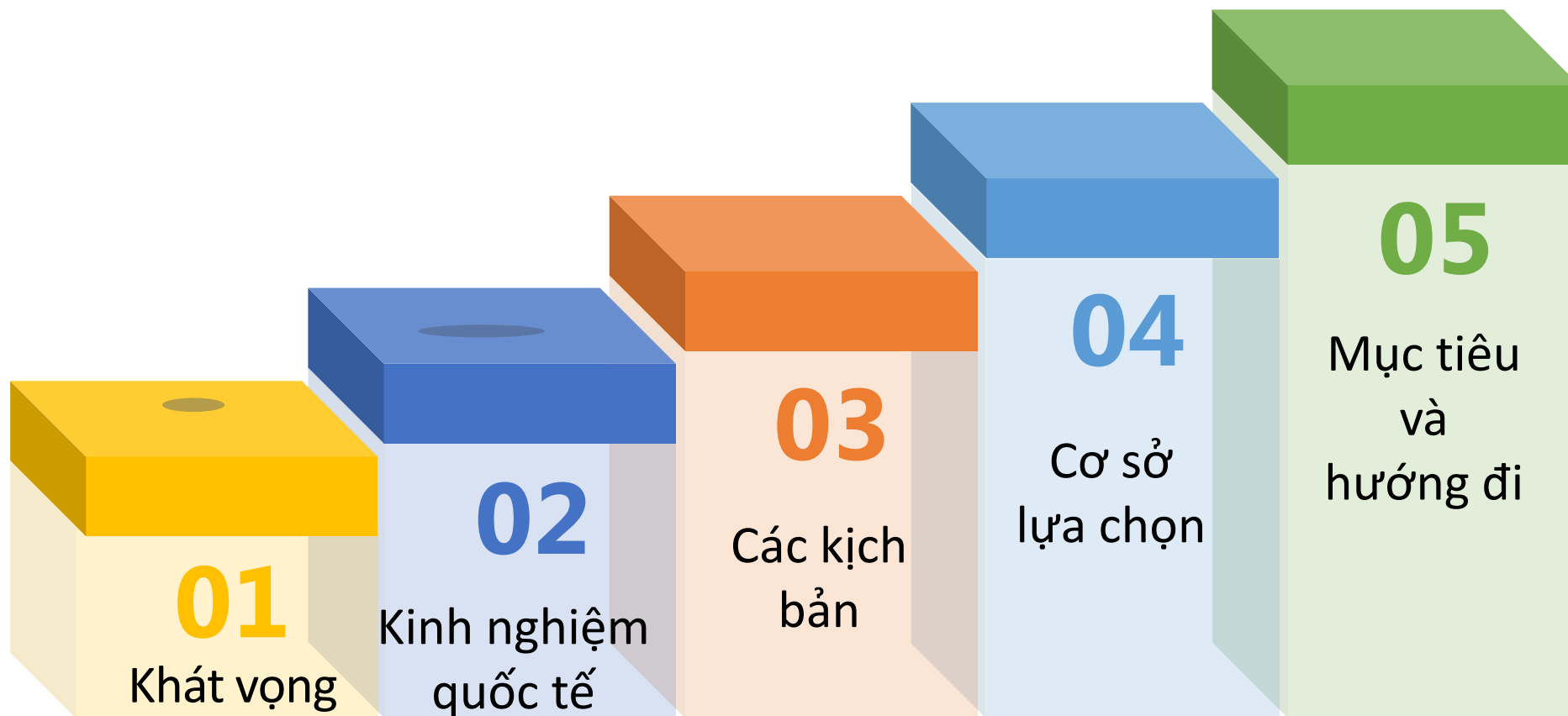


KHÁT VỌNG

ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM CÓ NỀN KINH TẾ THỊNH VƯỢNG,
XÃ HỘI HÀI HÒA VÀ TƯƠNG LAI BỀN VỮNG

Chiến lược Kinh tế Xã hội 2021-2030

Nội dung



Khát vọng

KINH TẾ

1. Thu nhập bình quân đầu người cao và liên tục tăng trưởng
2. Tăng trưởng có hiệu quả và nền kinh tế có tính cạnh tranh cao;
3. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng nâng cao hiệu quả, phù hợp với thực tiễn;
4. Cơ sở hạ tầng hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu phát triển;
5. Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định

**KINH TẾ
THỊNH VƯỢNG,
XÃ HỘI HÀI HÒA,
TƯƠNG LAI
BỀN VỮNG**

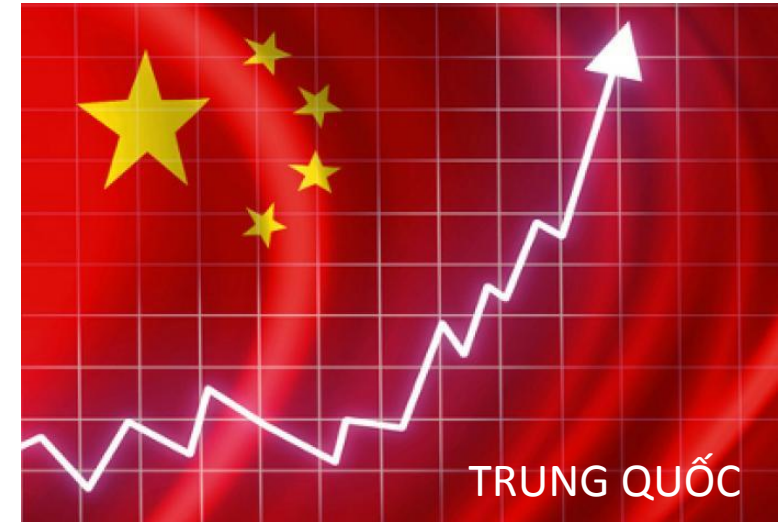
XÃ HỘI

1. Điều kiện sống và an sinh xã hội ở mức cao
2. Tỷ trọng chi tiêu cao cho các nhu cầu ngoài ăn uống
3. Nguồn nhân lực và việc làm có chất lượng
4. Quản trị công minh bạch, dân chủ
5. Công bằng xã hội được duy trì
6. Người dân hài lòng về cuộc sống

MÔI TRƯỜNG

1. Môi trường an toàn, đảm bảo sức khỏe con người
2. Hệ sinh thái được duy trì, đảm bảo tương lai bền vững

Đi tìm hình mẫu tăng trưởng



Quốc gia tăng trưởng thần kỳ:

- 1960-1996: đất nước từ nghèo nàn (158\$) đến gia nhập OECD (13000\$)
- Bước vào thời kỳ hậu công nghiệp với nền tảng công nghệ đột phá

Nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về lịch sử chiến tranh và chia cắt.

Quốc gia phát triển hài hòa:

- Top 5 quốc gia tăng trưởng cao nhất thế giới
- Nền kinh tế sôi động trong một xã hội cân bằng

Nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về lịch sử bị thực dân đô hộ.

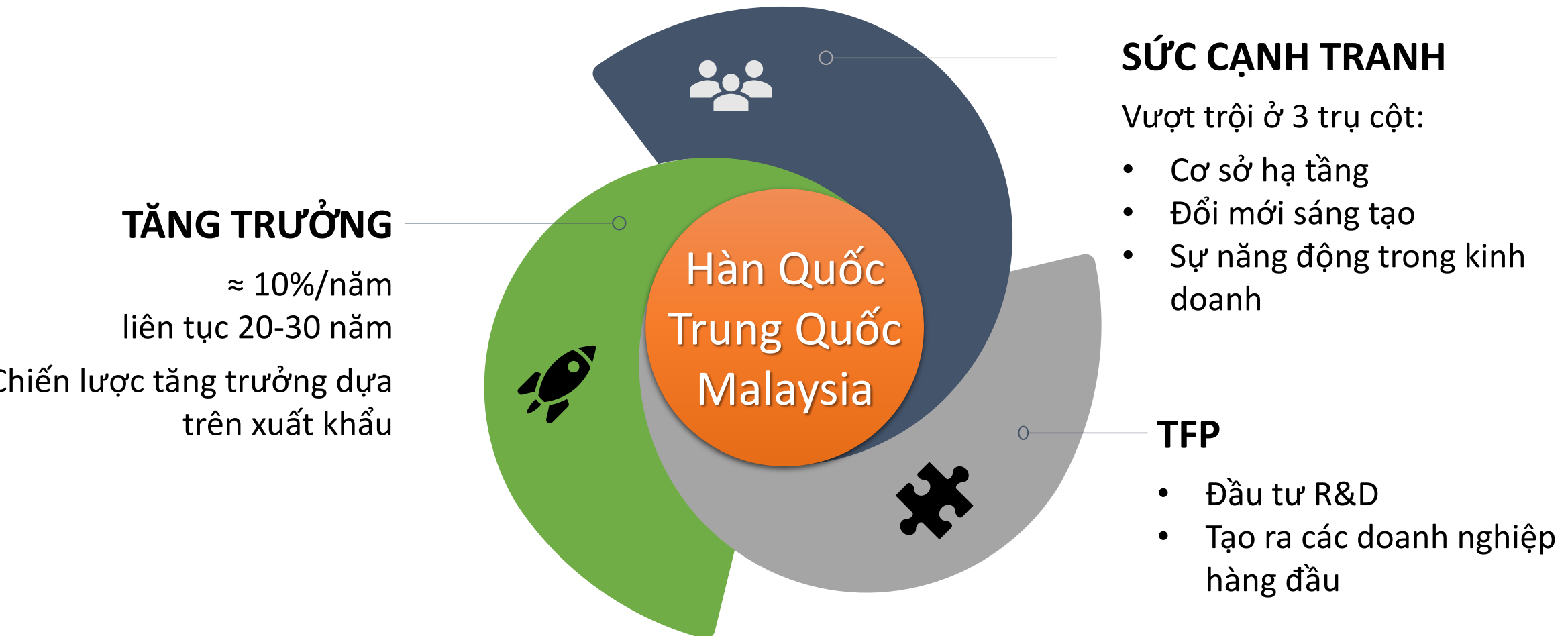
Quốc gia chuyển đổi thành công:

- 40 năm đổi mới: từ nước nghèo trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới
- Tăng trưởng nhanh dưới sự kiểm soát hiệu quả của Nhà nước

Nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về chính trị, lịch sử, văn hóa.

Phát hiện từ 3 mô hình tăng trưởng nổi bật

ĐIỂM CHUNG



Phát hiện từ 3 mô hình tăng trưởng nổi bật

ĐẶC TRƯNG CỦA MỖI QUỐC GIA

HÀN QUỐC

- Tăng trưởng đột phá với chính sách kinh tế linh hoạt theo chu kỳ 5 năm
- Trọng tâm đầu tư nhiều vào R&D, giáo dục bậc cao và cơ sở hạ tầng

MALAYSIA

- Tăng trưởng ổn định: chu kỳ kéo dài (10 năm), biên độ chênh lệch thấp ($\pm 2\%$)
- Sức cạnh tranh quốc gia đồng đều trên 12 khía cạnh (thể chế, CSHT, môi trường vĩ mô, giáo dục & y tế, đổi mới sáng tạo...)

TRUNG QUỐC

- Tăng trưởng nóng: kéo dài trong 30 năm, biên độ lớn (8-14%)
- Lợi thế thị trường và năng lực sản xuất lớn (vốn, lao động, đất đai...)
- Khai thác thành công chuyển giao công nghệ từ FDI

Lựa chọn nào cho Việt Nam?



Tăng trưởng đột phá như Hàn Quốc?

- +** Phù hợp bối cảnh 4.0, do các mô hình kinh tế cũ đang nhanh chóng thay đổi, Việt Nam có cơ hội đi tắt đón đầu
 - Đòi hỏi nguồn lực và thời gian để tiếp nhận các cơ hội nghiên cứu sáng tạo
- Rủi ro khi chọn sai hướng đi của công nghệ



Tăng trưởng nóng như Trung Quốc?

- +** Thành tựu hấp dẫn, tạo khát vọng và động lực cho cả quốc gia và người dân
- Chỉ áp dụng được với quy mô kinh tế lớn, để lại nhiều hậu quả...



Tăng trưởng đồng đều như Malaysia?

- +** Bền vững, kết quả khả quan
- Sẽ chậm hơn do đòi hỏi phát triển nhiều mặt, nguồn lực phân tán

Mục tiêu và hướng đi cho Việt Nam

Chuyển sang nhóm nước thu nhập trung bình cao vào 2030, nhóm nước thu nhập cao vào 2045

01



Đầu tư cho R&D
(từ Nhà nước
đến tư nhân)

2021-2025: tăng
trưởng 7-8%
(giai đoạn tạo
lực để đầu tư)

2025-2045:
tăng trưởng
9-10%/năm

Mô hình Hàn Quốc:
Kinh tế tăng tốc nhờ
đột phá công nghệ

02



Tăng trưởng cân
bằng, dành
nguồn lực cho
các mục tiêu xã
hội và môi
trường

2021-2045:
tăng trưởng
7-8%/năm

Mô hình Malaysia:
Kinh tế năng động trong
một xã hội hài hòa

03



Dồn toàn lực
cho phát triển
kinh tế, tăng
cường thu hút
FDI và chuyển
giao công nghệ

2021-2045:
tăng trưởng
9-10%/năm

Mô hình Trung Quốc:
Kinh tế tăng trưởng mạnh với
sự kiểm soát của Nhà nước

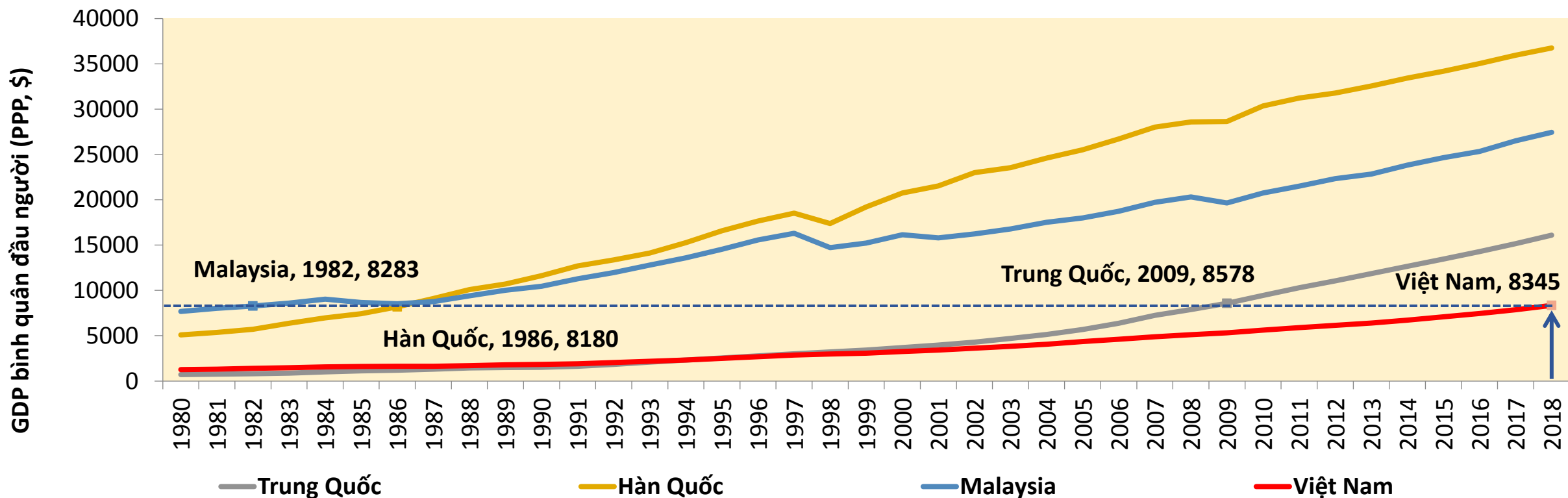
Việt Nam đang ở đâu?

Việt Nam 2018: GDP/người = 8345\$ (PPP)

≈ Hàn Quốc **1986** → Tụt hậu 32 năm

≈ Malaysia **1982** → Tụt hậu 36 năm

≈ Trung Quốc **2009** → Tụt hậu 9 năm



Việt Nam đang ở đâu?

- . GDP/người (PPP) 1986 (8180\$)
- . Cơ cấu ngành kinh tế 1981 (NN-CN-DV: 15%-42%-43%)
- . Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp 1978 (40%)
- . Năng suất LĐ theo giờ 1978 (5 \$)
- . Số năm đi học bình quân 1978 (8.5)



- . GDP/người (PPP) 1982 (8283\$)
- . Cơ cấu ngành kinh tế 1990 (NN-CN-DV: 15%-41%-44%)
- . Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp 1975 (40%)
- . Năng suất LĐ theo giờ 1975 (5 \$)
- . Số năm đi học bình quân 1988 (8.5)

- . GDP/người (PPP) 2009 (8578\$)
- . Cơ cấu ngành kinh tế 2000 (NN-CN-DV: 15%-45%-40%)

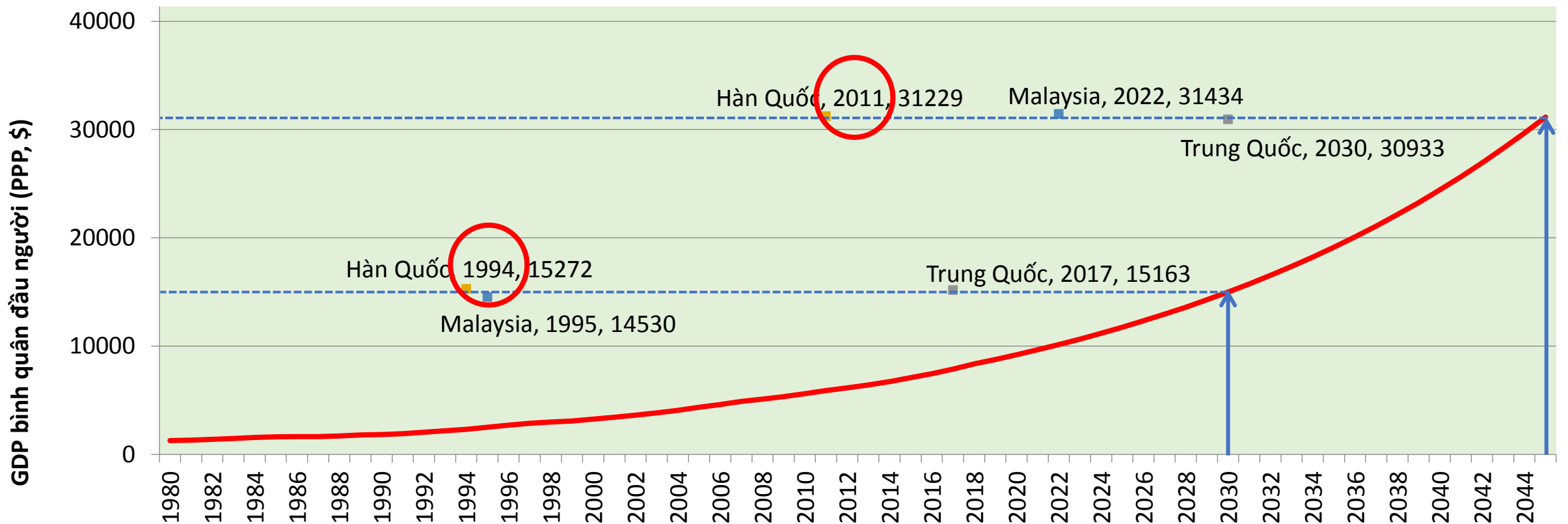
- . Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp 2008 (40%)
- . Năng suất lao động theo giờ 2005 (5 \$)
- . Số năm đi học bình quân 2008 (8.5)

Kịch bản 0: Duy trì tăng trưởng mức hiện tại

Tăng trưởng GDP 6%/năm

→ 2030: GDP/người = 14987\$ (PPP) ≈ Hàn Quốc 1994, Malaysia 1995, Trung Quốc 2017

→ 2045: GDP/người = 31156\$ (PPP) ≈ Hàn Quốc 2011, Malaysia 2022, Trung Quốc 2030

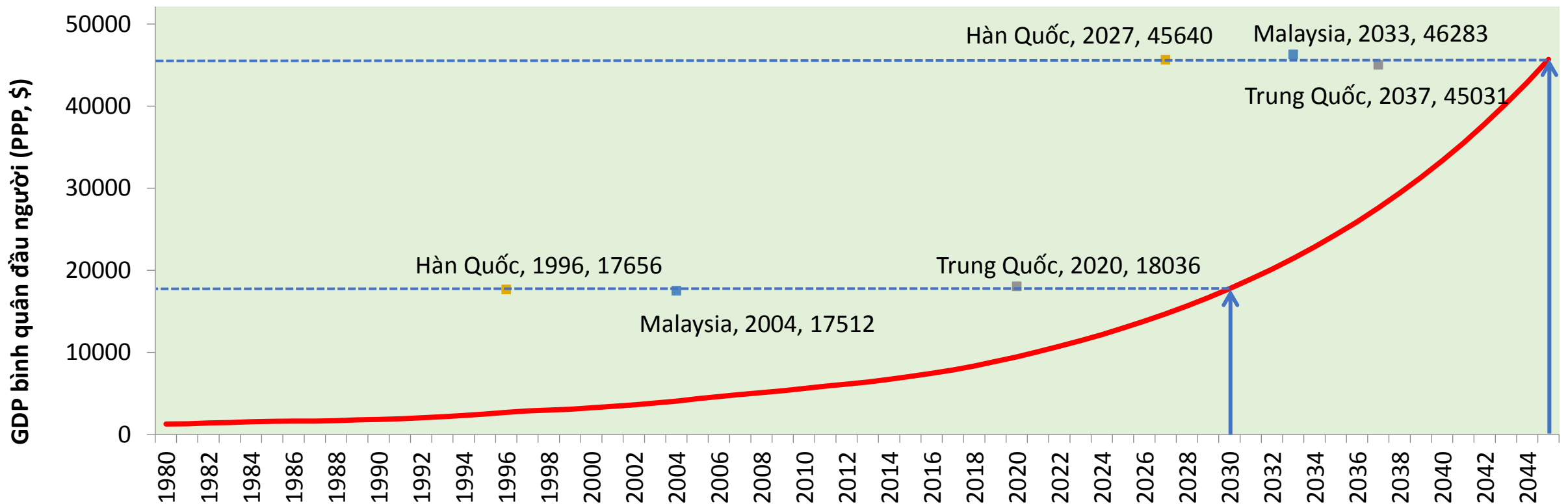


Kịch bản 1: Mô hình Malaysia

Tăng trưởng GDP 7-8%/năm

→ 2030: GDP/người = 17768\$ (PPP) ≈ Hàn Quốc **1996**, Malaysia **2004**, Trung Quốc **2020**

→ 2045: GDP/người = 45695\$ (PPP) ≈ Hàn Quốc **2027**, Malaysia **2033**, Trung Quốc **2037**

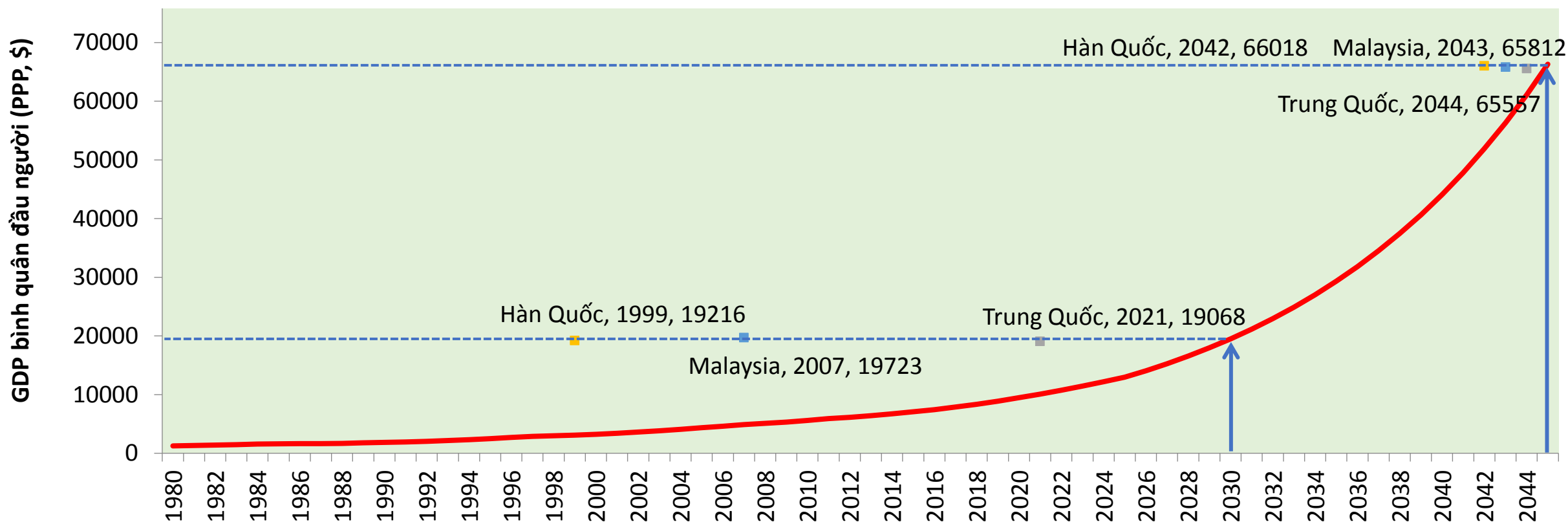


Kịch bản 2: Mô hình Hàn Quốc

Tăng trưởng GDP hai giai đoạn: 2021-2025: 7-8%/năm & 2026-2045: 9-10%/năm

→ 2030: GDP/người = 19500\$ (PPP) ≈ Hàn Quốc 1999, Malaysia 2007, Trung Quốc 2021

→ 2045: GDP/người = 66294\$ (PPP) ≈ Hàn Quốc 2042, Malaysia 2043, Trung Quốc 2044

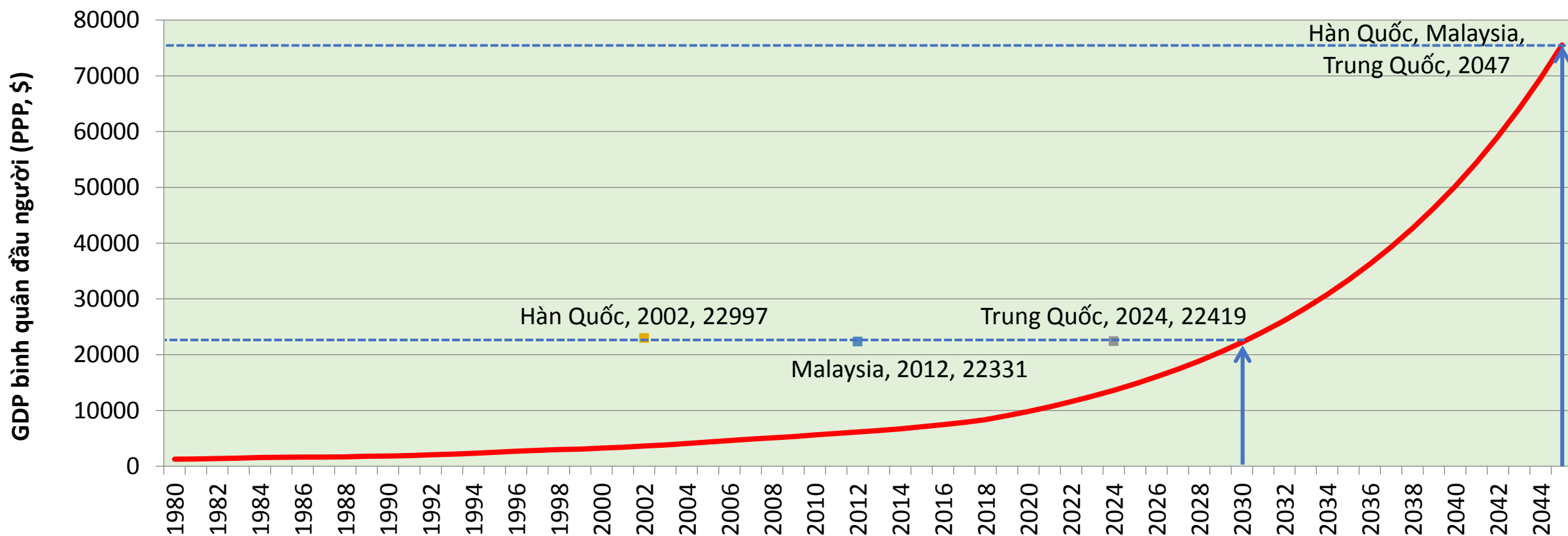


Kịch bản 3: Mô hình Trung Quốc

Tăng trưởng GDP liên tục 9-10%/năm

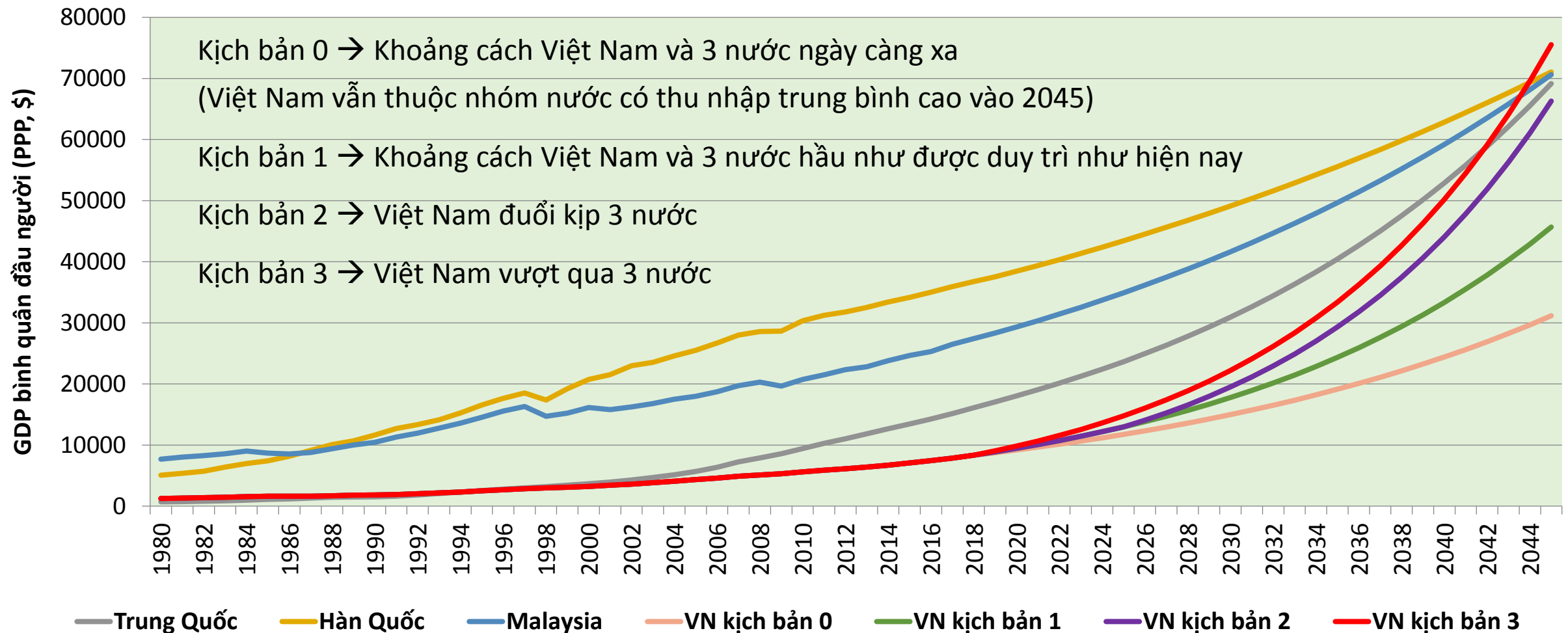
→ 2030: GDP/người = 22212\$ (PPP) ≈ Hàn Quốc **2002**, Malaysia **2012**, Trung Quốc **2024**

→ 2045: GDP/người = 75515\$ (PPP) → Vượt qua Hàn Quốc, Malaysia và Trung Quốc tại thời điểm đó



Các kịch bản tăng trưởng của Việt Nam

Nếu các quốc gia khác giữ nguyên tốc độ tăng trưởng hiện nay → **Đến 2045:**



Cơ sở nào cho khát vọng

1985: Chuyển hướng trọng tâm R&D

→ Việt Nam có một số chỉ số kinh tế - xã hội tương đương:

- . GDP/người (PPP)
- . Cơ cấu ngành kinh tế

→ Điểm khác:

- . Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp: Việt Nam cao hơn
- . Năng suất lao động theo giờ và số năm đi học bình quân của LLLĐ: Việt Nam thấp hơn

HÀN QUỐC

VIỆT NAM
2018

MALAYSIA

1990: Xoay trục sang khu vực VA cao hơn

→ Việt Nam có một số chỉ số kinh tế - xã hội tương đương:

- . Cơ cấu ngành kinh tế
- . Số năm đi học bình quân của LLLĐ

→ Điểm khác:

- . GDP/người (PPP) = 4/5
- . Tỷ trọng LĐ trong nông nghiệp = 1,5 lần
- . Năng suất lao động = 40%

TRUNG QUỐC

→ Việt Nam có một số chỉ số kinh tế - xã hội tương đương:

- . Cơ cấu ngành kinh tế
- . Số năm đi học bình quân

2002: Cải cách theo chiều sâu

- . GDP/người (PPP) gấp 2 lần
- . Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp = 4/5
- . Năng suất lao động = 1,6 lần

Mục tiêu và hướng đi

- Có sự tương đồng so với Trung Quốc tại thời điểm cải cách
- Nhưng thiếu điều kiện tiền đề về quy mô nền kinh tế, thị trường, năng lực sản xuất...



**Mô hình
Trung Quốc**

**KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN
ĐỂ ÁP DỤNG**

- Có khoảng cách lớn về nền tảng kinh tế so với Malaysia tại thời điểm xoay trục
- Khó để dành nguồn lực còn hạn chế cho sự phát triển đồng đều mọi mặt



**Mô hình
Malaysia**

CÓ CƠ SỞ
Cần 5-10 năm để tích lũy nguồn lực
Rất khó thu hẹp khoảng cách thu nhập với 3 nước vào 2045

- Có nền tảng kinh tế tương đương Hàn Quốc tại thời điểm chuyển hướng
- Nhưng hạn chế về trình độ nhân lực và công nghệ (so với Hàn Quốc năm 1985)



**Mô hình
Hàn Quốc**

CÓ CƠ SỞ
Cần 5-10 năm nâng cao trình độ nhân lực và R&D
Đuổi kịp 3 nước vào 2045

Mục tiêu và hướng đi

Mô hình Hàn Quốc là lựa chọn phù hợp với hiện trạng và khát vọng của Việt Nam

Kết hợp được sự hài hòa xã hội của Malaysia và hiệu quả kiểm soát Nhà nước của Trung Quốc

Việt Nam sẽ bứt phá thành công, như Thánh Gióng vươn vai đứng dậy!



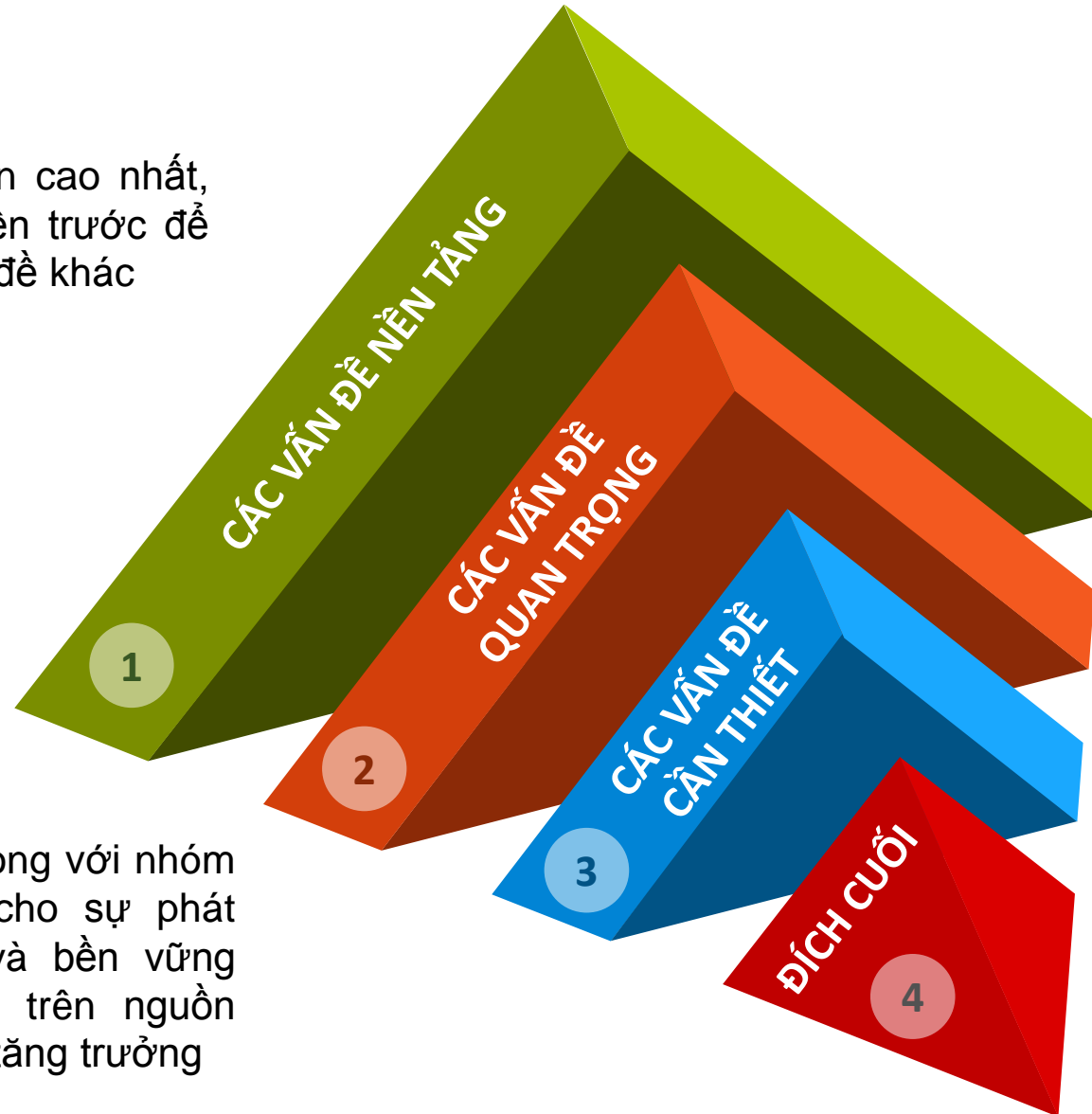
Xác định các trọng tâm chính sách



Xác định các trọng tâm chính sách

Nhóm 1

có mức độ ưu tiên cao nhất, cần được thực hiện trước để giải quyết các vấn đề khác



Nhóm 3

thực hiện song song với nhóm 2 để đảm bảo cho sự phát triển cân bằng và bền vững nhưng phải dựa trên nguồn lực có được nhờ tăng trưởng

Nhóm 2

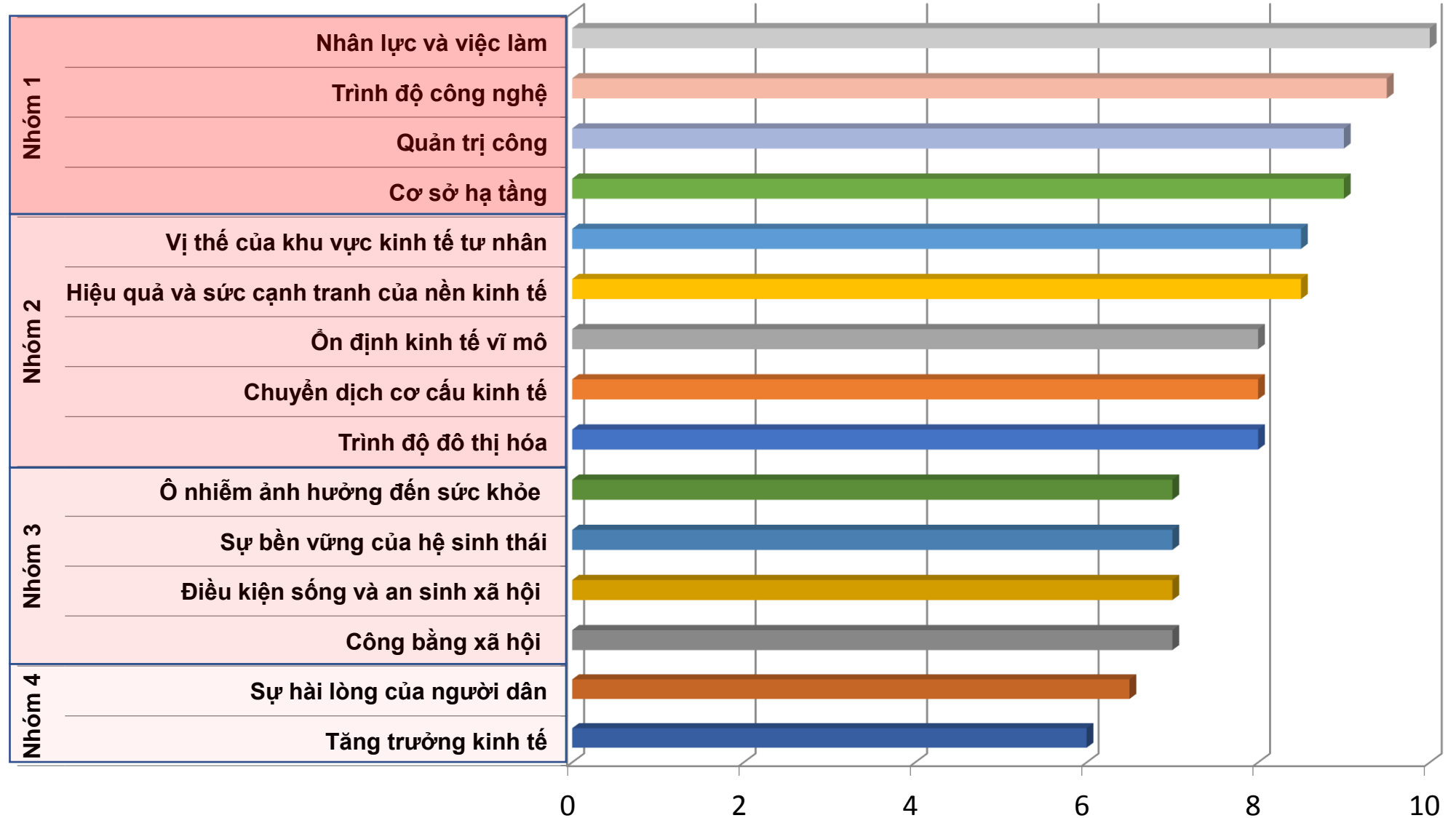
được coi là trụ cột để tạo thành đòn bẩy cho phát triển, và tiến tới mục tiêu cuối là tăng trưởng kinh tế

Nhóm 4

đạt được khi giải quyết được các vấn đề ở 3 nhóm trên

Xác định các trọng tâm chính sách

Mức độ ưu tiên của các vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường (đánh giá tầm quan trọng của các tiêu chí thịnh vượng, hài hòa, bền vững trên thang điểm 10)



Xác định các trọng tâm chính sách

CÁC CHÍNH SÁCH CÂN BẰNG



- Phát triển bền vững về môi trường và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu
- Đảm bảo công bằng và thúc đẩy hòa nhập xã hội

CÁC CHÍNH SÁCH ĐÒN BẨY



- Phát triển khu vực tư nhân
- Ổn định kinh tế vĩ mô; Thúc đẩy đô thị hóa
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tạo ra các chuỗi giá trị và hình thành các ngành mũi nhọn
- Nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên CMCN 4.0

CÁC CHÍNH SÁCH NỀN TẢNG



- Phát triển nguồn nhân lực
- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo
- Đổi mới nền quản trị công
- Phát triển cơ sở hạ tầng